

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **808** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **11** tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng đường từ Quốc lộ 14 đến cửa khẩu Bu Prăng (đoạn từ Km3 ÷ Km 17 + 042 của tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắc Huýt) đi qua địa bàn xã Đắc Buk So và xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND, ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất (k) năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 91/TTr-STNMT ngày 26/3/2020, Công văn số 1217/STNMT-KHTCGĐ ngày 05/6/2020; ý kiến của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Thông báo số 52/TB-HĐTĐ ngày 16/3/2020 và Thông báo số 89/TB-HĐTĐ ngày 19/5/2020.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng đường từ Quốc lộ 14 đến cửa khẩu Bu Prăng (đoạn từ Km3 ÷ Km 17 + 042 của tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắc Huýt) đi qua địa bàn xã Đắc Buk So và xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

### 1. Thông tin về khu đất định giá

- Vị trí thực hiện dự án: Dự án xây dựng công trình mở rộng trục đường từ quốc lộ 14 đến cửa khẩu Bu Prăng tỉnh lộ 686. Tuyến đường có chiều dài 30 km đi qua 2 xã Đắc Buk So và xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Tổng diện tích cần xác định giá: Diện tích khoảng 83.876,1 m<sup>2</sup>/1330 thửa đất. Bao gồm: Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm khoảng 47.347,9 m<sup>2</sup>/773 thửa, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khoảng 36.528,2/557 thửa.

- Phạm vi khu đất: Các thửa đất thu hồi nằm liền kề nhau trong phạm vi hai bên tiếp giáp trục đường tỉnh lộ 686 để thực hiện dự án, bao gồm các thửa đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và đất nông nghiệp trồng cây hàng năm đủ điều kiện bồi thường theo quy định. Trong đó:

+ Đoạn qua xã Đắc Buk So: Được đo đạc thành lập trên 16 mảnh trích đo ký hiệu là TĐ, từ TĐ 36-2019 đến TĐ 51-2019. Sở Tài nguyên và Môi trường ký nghiệm thu ngày 16 tháng 12 năm 2019.

+ Đoạn qua xã Quảng Trục: Được đo đạc thành lập trên 22 mảnh trích đo ký hiệu là TĐ, từ TĐ 01-2019 đến TĐ 22-2019. Sở Tài nguyên và Môi trường ký nghiệm thu ngày 16 tháng 12 năm 2019.

- Hiện trạng sử dụng đất: Đất của hộ gia đình, cá nhân đang quản lý sử dụng, phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và đất nông nghiệp trồng cây hàng năm.

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm.

**2. Hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng đường từ Quốc lộ 14 đến cửa khẩu Bu Prăng (đoạn từ Km3 ÷ Km17 + 042 của tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắc Huýt) đi qua địa bàn xã Đắc Buk So và xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông**



*[Handwritten signature]*



Stt	Loại đất	Vị trí đất	Giá đất theo Quyết định số 06//2017/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	Giá đất theo Quyết định số 08//2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể
1	2	3	4	5	6	7=6/4
<b>I</b>		<b>Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm</b>				
1	Xã Đắc Buk So	<b>Vị trí 1:</b> Thôn 6, 8. Bao gồm các thửa đất trồng cây lâu năm thuộc TĐ 48 đến TĐ 51-2019 (trừ các thửa thuộc TĐ 48; các thửa từ 53 đến thửa số 55; từ thửa 61 đến thửa 65; từ thửa 69 đến thửa 71; từ thửa 74 đến thửa 77 thuộc mảnh trích đo số 49-2019)	16.000	20.000	35.000	2,19
		<b>Vị trí 2:</b> Thôn Tuy Đức. Bao gồm các thửa đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thuộc TĐ 36 đến TĐ 41-2019	15.000	17.000		2,33
		<b>Vị trí 3:</b> Bon Đắc Drung và bon Bu Boong. Bao gồm các thửa đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thuộc TĐ 42 đến TĐ 47-2019	14.000	14.000		2,50
2	Xã Quảng Trục	<b>Vị trí 1:</b> Bao gồm các thửa đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tại bon Bu Dải thuộc TĐ 17 đến TĐ 22-2019 (trừ các thửa 41; 42; 43; 47; 48; 49; 53; 54; 55; 56; 57; 58 thuộc mảnh trích đo số 19-2019)	16.000	18.000	35.000	2,19
		<b>Vị trí 3:</b> Bon Đắc Huýt. Bao gồm các thửa đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thuộc TĐ 01 đến TĐ 17-2019	14.000	15.000		2,50
<b>II</b>		<b>Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm</b>				
3	Xã Đắc Buk So	<b>Vị trí 1:</b> Thôn 6. Bao gồm các thửa đất trồng cây hàng năm thuộc TĐ 49 đến TĐ 51-2019 (trừ các thửa 66; 72 thuộc TĐ 49-2019)	12.000	18.000		2,67



*Handwritten signature or mark in blue ink.*

Stt	Loại đất	Vị trí đất	Giá đất theo Quyết định số 06//2017/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	Giá đất theo Quyết định số 08//2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể
		<b>Vị trí 2:</b> Thôn Tuy Đức. Bao gồm các thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm thuộc TĐ 36 đến TĐ 41-2019	11.000	15.000	32.000	2,91
		<b>Vị trí 3:</b> Bon Đắc Trưng và bon Bu Boong. Bao gồm các thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm thuộc TĐ 42 đến TĐ 47-2019	10.000	10.000		3,2
4	Xã Quảng Trục	<b>Vị trí 1:</b> Bon Bu Dã. Bao gồm các thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm từ thửa 34 đến thửa 36; từ thửa 45 đến thửa 50; thửa 56 và thửa 59 thuộc TĐ 17 đến TĐ 21 - 2019. (trừ các thửa: từ thửa 1 đến thửa 7; từ thửa 9 đến thửa 18; từ thửa 24 đến thửa 40; thửa 43; từ thửa 45 đến thửa 58; từ thửa 60 đến thửa 71 thuộc TĐ số 19-2019)	12.000	15.000		2,67
		<b>Vị trí 2:</b> Bon Đắc Huýt. Bao gồm các thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm thuộc TĐ 01 đến mảnh TĐ 17-2019	11.000	13.000		2,9
<b>III</b>		<b>Giá đất nông nghiệp khu vực đông dân cư trong dự án</b>				
5	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tại trung tâm xã Quảng Trục	<b>Vị trí 1:</b> Bao gồm các thửa: 41; 42; 43; 47; 48; 49; 53; 54; 55; 56; 57; 58 thuộc TĐ 19-2019; các thửa thuộc TĐ 20-2019	16.000	18.000	60.000	3,75
	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tại thôn 6 và thôn 8 xã Đắc Buk So	<b>Vị trí 1:</b> Bao gồm các thửa thuộc TĐ 48, từ thửa 53 đến thửa 55; từ thửa 60 đến thửa 65; từ thửa 69 đến thửa 71; từ thửa 75 đến thửa 81 thuộc TĐ 49-2019	16.000	18.000	53.000	3,31

Stt	Loại đất	Vị trí đất	Giá đất theo Quyết định số 06//2017/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	Giá đất theo Quyết định số 08//2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể
6	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại xã Quảng Trục	Vị trí 1: Bao gồm các thửa đất tại trung tâm: từ thửa 1 đến thửa 7; từ thửa 9 đến thửa 18; từ thửa 24 đến thửa 40; 43; từ thửa 45 đến thửa 58; từ thửa 60 đến thửa 71 thuộc mảnh trích đo số 19-2019; các thửa thuộc mảnh TĐ 20-2019	12.000	15.000	48.000	4,0
	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại xã Đắc Buk So	Vị trí 1: Bao gồm các thửa đất tại khu đông dân cư tại thôn 6 và thôn 8 thuộc TĐ 48-2019, các thửa 66; 72 thuộc TĐ 49-2019	12.000	18.000	45.000	3,75

## Điều 2.

1. Giao UBND huyện Tuy Đức căn cứ vị trí thửa đất thu hồi của dự án để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về nội dung đề xuất tại Quyết định này.

## Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm*

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KTN (Va).

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng